TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10 /2019/DS-ST
Ngày: 06/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Duyết.

Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Thông - Thẩm tra viên Toà án nhân dân **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS ngày 12/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần B**.

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower**, số 109 THĐ, HK**, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*:* ông **Bùi Công H**- Phó giám đốc Trung tâm Giám sát kinh doanh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 176/2019/QĐ-LPB.QTR ngày 28/02/2019) - Có mặt.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Thu S**, sinh năm 1993 - vắng mặt.

Địa chỉ: khu phố 7, phường 3, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2019, bản trình bày ý kiến ngày 12/8/2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/10/2017, Ngân hàng TMCP **B**- Chi nhánh Quảng Trị đã ký hợp đồng tín dụng số HĐTD46020172565 với Chị **Lê Thị Thu S**, số tiền cấp tín dụng là 50.000.000

đồng. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9%/năm, lãi suất cố định trong suốt thời hạn cho vay, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Phương thức trả nợ: trả nợ gốc và lãi theo dư nợ gốc ban đầu. Số tiền gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 25 của hàng tháng. Dư nợ gốc tính đến ngày 06/9/2019 (*Ngày xét xử sơ thẩm*) là 30.540.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị **Lê Thị Thu S** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (vi phạm về mặt thời gian trả) nên khoản vay của chị **Lê Thị Thu S** đã bị chuyển nợ quá hạn ngày 04/01/2019. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP **B**đã nhiều đôn đốc, tạo điều kiện để chị **Lê Thị Thu S** thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nhưng chị **Lê Thị Thu S** đã trả nợ đến ngày 01/01/2019 là 19.460.000 đồng tiền gốc và lãi là 5.267.540 đồng. Kể từ đó đến nay chị Sương không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nữa.

Tính đến này 06/9/2019 (ngày xét xử), chị **Lê Thị Thu S** còn nợ Ngân hàng TMCP **B**số tiền 34.769.639 đồng, trong đó số tiền dư nợ gốc là 30.540.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.482.460 đồng, nợ lãi quá hạn 747.179 đồng (*bao gồm lãi phạt lãi và lãi phạt gốc*).

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị **Lê Thị Thu S** phải thanh toán toàn bộ số tiền là: 34.769.639 đồng và đề nghị Tòa án buộc chị **Lê Thị Thu S** phải phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020172565, ký ngày 06/10/2017 với Ngân hàng TMCP **B** cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Chị **Lê Thị Thu S** là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP **B** đề ngày 06/3/2019, Tòa án nhân dân **thị xã Q** xác định về quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua Ngân hàng TMCP **B** và bị đơn trú tại khu phố 7, phường 3, **thị xã Q**. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân **thị xã Q** thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo Hợp đồng tín dụng thì bị đơn có địa chỉ nơi cư trú khu phố 7, phường 3, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị. Bị đơn thường xuyên vắng mặt nơi cư trú, nên Tòa án đã không tống đạt được trực tiếp cho bị đơn, Tòa án đã làm thủ tục

niêm yết văn bản tố tụng, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không đến tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công hkai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được. Bị đơn chị **Lê Thị Thu S** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020172565 ngày 06/10/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP **B** và chị **Lê Thị Thu S** là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD46020172565 ngày 06/10/2017 thì bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Chị **Lê Thị Thu S** đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên khoản nợ chuyển sáng nợ quá hạn từ ngày 04/01/2019. Tính đến ngày 01/01/2019 , bị đơn đã trả nợ cho ngân hàng được khoản tiền gốc là 19.460.000 đồng. Dư nợ gốc bị đơn còn phải trả cho Ngân hàng TMCP **B** là 30.540.000 đồng thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP **B** về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận (*Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự*).

Về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020172565 ngày 06/10/2017 thì thỏa thuận lãi suất cho vay 9%/năm, phương thức áp dụng lãi suất: add-on (là lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, trả lãi chậm bên vay phải chịu tiền phạt (Số tiền lãi chậm trả x Lãi suất phạt quá hạn x Số ngày chậm trả)/360; nợ gốc trả định kỳ vào ngày 25 của hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ tháng 10/2017, mỗi kỳ trả nợ gốc 1.390.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 1.350.000. đồng. Lãi trả định kỳ vào ngày 25 của hàng tháng theo dư nợ gốc ban đầu. Đến ngày 01/01/2019 phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn 5.267.540 đồng tiền lãi; do bị đơn không trả nợ đến hạn, nguyên đơn đã chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn từ ngày 04/01/2019. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/9/2019, tổng số tiền nợ lãi của bị đơn là: 4.229.639 đồng, trong đó, nợ lãi trong hạn 3.482.460 đồng, nợ lãi quá hạn 747.179 đồng. Xét hợp đồng tín dụng được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi từ ngày 02/01/2019 đến ngày 06/9/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 4.229.639 đồng có cơ sở.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền là: 34.769.639 đồng, trong đó: nợ gốc 30.540.000 đồng và tiền lãi 4.229.639 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (06/9/2019).

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần B**.

Buộc chị **Lê Thị Thu S** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần B** số tiền 34.769.639 đồng . Trong đó nợ gốc 30.540.000 đồng , tiền lãi tính đến ngày 06/9/2019 là 4.229.639 đồng .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 06/9/2019, chị **Lê Thị Thu S** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn gốc của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD46020172565 ngày 06/10/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2.Về án phí: Chị **Lê Thị Thu S** phải chịu 1.738.481 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần B** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 792.000 đồng , theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000589 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự **thị xã Q**.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Minh Duyết	Nguyễn Thị Hoa	Mai Thị Thu Hà

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Trị;*
- *VKSND **thị xã Q**;*
- *Chi cục THADS **thị xã Q**;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

Mai Thị Thu Hà